

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2026/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 07 năm 2026

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thắng.

Bà Nguyễn Thị Kim Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Khôi – Thư ký TAND khu vực 1 –
Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi cũ,
Tòa án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn
nhân gia đình thụ lý số 283/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/05/2026 về việc “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
116/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/06/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số
71/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1987.

Số CCCD: 033187004754.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1977.

Số CCCD: 033077003260.

Đều cư trú: thôn V (nay là thôn A), xã N, tỉnh Hưng Yên

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện của chị T và các lời khai của chị T trong quá trình tố
tụng thể hiện:*

Chị T, anh H quen biết thông qua người giới thiệu. Sau khoảng vài tháng tìm
hiểu thì anh chị về xin phép gia đình tổ chức cưới. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự
nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại
UBND xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã N, tỉnh Hưng Yên) vào
ngày 14/7/2006. Sau khi kết hôn thì chị T về nhà anh H sinh sống, được vài tháng

thì vợ chồng chuyển vào vùng T làm ăn, sinh sống. Đến năm 2015 thì vợ chồng chuyển về quê ở thôn V, xã N làm ăn, định cư. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng đã có những trục trặc, mâu thuẫn nhỏ nhưng đều tự hòa giải được. Năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế, việc làm ăn không thuận lợi, khó khăn. Anh H lại có tính gia trưởng, hay ghen, không tôn trọng, không hỏi ý kiến chị và còn thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị. Anh H còn có tính trăng hoa, thường xuyên nhắn tin, gọi điện với người khác giới. Từ đó, vợ chồng thiếu sự tin tưởng, gắn kết, chia sẻ. Chị cũng đã nhắc nhở, khuyên bảo anh H nhiều lần nhưng anh H không nghe, không thay đổi. Khoảng tháng 03/2026, anh H đã mang quần áo, đồ đạc của chị về nhà bố đẻ của chị và đuổi chị T về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, xã N. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, kinh tế độc lập, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Bố mẹ hai bên cũng đã khuyên giải và đề cho vợ chồng chị tự quyết định. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung đã mất, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vậy nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện tại để ổn định cuộc sống.

Vợ chồng anh chị có 03 con chung là: Nguyễn Phúc H1, sinh ngày 04/06/2007; Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 06/10/2009; Nguyễn Mạnh H3, sinh ngày 12/03/2015. Chị nhận nuôi cháu H3.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Thống nhất điều kiện, đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Theo anh H, quá trình chung sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhưng đã tự hòa giải được. Năm 2015, về quê, vợ chồng đầu thầu đất, dựng trại tại cánh đồng Mập thuộc thôn A, xã N để làm ăn và cũng có ở đó để trông nom. Do dịch bệnh Covid 19, làm ăn thua lỗ nên từ năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau. Sau đó chị T đi làm công ty còn anh ở nhà chăm con. Tuy nhiên, trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái cũng không có sự thống nhất. Vợ chồng cãi nhau, chị T có bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, xã N ở. Anh có sang xin lỗi thì chị T lại tiếp tục về sống với anh. Sau đó 02 vợ chồng cùng đi làm công ty. Anh tìm được công ty có việc làm nhẹ nhàng hơn, làm ít thời gian hơn nên bảo chị T về làm chung nhưng chị T không đồng ý. Một thời gian sau, anh phát hiện chị T chụp ảnh với người đàn ông khác. Trước đó, chị T cũng hay ghen tuông vô cớ. Vì vậy, anh đã nói chuyện với chị T nhưng chị T không nhận và vợ chồng cãi nhau, tình cảm ngày càng đi xuống. Khoảng cuối tháng 3/2026, vợ chồng cãi nhau to, trong lúc nóng giận anh đã gom quần áo của chị T mang đến nhà bố mẹ đẻ chị T nhờ ông bà dạy bảo lại. Từ đó chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, anh vẫn bảo các con sang nói chuyện đúng sai và bảo chị T về nhưng chị T không về. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh thấy vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Vợ chồng anh chị có 03 con chung là: Nguyễn Phúc H1, sinh ngày 04/06/2007; Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 06/10/2009; Nguyễn Mạnh H3, sinh ngày 12/03/2015. Cháu H1 đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập, có cuộc sống riêng nên anh không có yêu cầu, đề nghị gì. Hai cháu nhỏ thì tùy theo nguyện vọng của các cháu.

Về vấn đề tài sản chung, công sức, nợ nần: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Phúc H1 trình bày: Nhà cháu có 03 anh em, cháu là con trai lớn của mẹ T và bố H. Cháu đang học ngoại ngữ để chuẩn bị đi nước ngoài tại Trung tâm T3 ở C, ngõ C, Phạm Tuấn T1, phường N, thành phố Hà Nội. Cháu vẫn đang ở cùng bố tại thôn V, xã N, tỉnh Hưng Yên. Việc mẹ cháu gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án cháu có biết. Bố mẹ cháu đã mâu thuẫn với nhau từ lâu, hay cãi nhau, không ai quan tâm đến ai và mẹ cháu đã về nhà ông bà ngoại ở 02 tháng nay. Theo cháu biết nguyên là do mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm sống. Bố mẹ tuy cãi nhau nhưng vẫn quan tâm đến anh em cháu. Cháu rất mong muốn bố mẹ cháu chung sống hạnh phúc để nuôi anh em cháu trưởng thành còn việc bố mẹ cháu có chung sống được với nhau hay không là do bố mẹ cháu quyết định, cháu không có ý kiến gì. Cháu đã lớn, trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên cũng không có yêu cầu bố mẹ phải nuôi cháu.

Cháu Nguyễn Mạnh H3 trình bày: Cháu là con út của mẹ T và bố H. Cháu vẫn đang ở cùng bố mẹ tại thôn V, xã N, tỉnh Hưng Yên. Cháu đang học lớp 5 tại Trường tiểu học V. Trong thời gian sống cùng bố mẹ, cháu thấy bố mẹ hay cãi nhau, nguyên nhân cụ thể thế nào cháu không biết. Mẹ cháu đã về nhà ông bà ngoại ở vài tháng nay, thỉnh thoảng, cháu vẫn đến chơi với mẹ. Tuy bố mẹ cãi nhau nhưng vẫn quan tâm đến anh em cháu. Gần đây, cháu có được biết bố mẹ đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, cháu mong muốn bố mẹ ở cùng với nhau để yêu thương, chăm sóc cho anh em cháu. Trường hợp bố mẹ phải ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ cháu. Ngoài ra cháu không có ý kiến gì khác. Do bận việc học hành nên cháu xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Nguyễn Phúc H2: Ngày 03/06/2026, TAND khu vực 1 – Hưng Yên tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu H2 và cháu có ý kiến trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn ở với bố. Tuy nhiên, cháu H2 và anh H từ chối ký vào biên bản lấy lời khai.

Lời khai của người làm chứng:

Bà Trương Thị H4 – mẹ ruột của chị T: Năm 2005, thông qua người giới thiệu thì chị T và anh H quen biết và tìm hiểu. Sau đó, chị T, anh H có xin phép và gia đình hai bên đã nói chuyện, tổ chức cưới hỏi cho chị T và anh H theo phong tục địa phương. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên

(nay là UBND xã N, tỉnh Hưng Yên) vào năm 2006. Sau khi cưới thì chị T về nhà anh H chung sống. Cưới nhau một thời gian thì anh chị ấy vào Gia Lai làm ăn, đến năm 2015 thì lại về quê sống. Thời gian đầu chung sống thì anh chị không có mâu thuẫn gì, khoảng năm 2018 trở lại đây mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo bà được biết thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con. Anh H có tính gia trưởng, đánh đập chị T. Đã vài lần chị T về nhà bà ở, xong sau đó lại về ở với anh H. Hai bên cũng đã động viên, khuyên bảo anh chị ấy hàn gắn tình cảm nhưng anh H không thay đổi. Khoảng cuối tháng 03/2026, anh H có dọn quần áo, đồ đạc của chị T mang đến nhà bà và đuổi chị T. Từ đó, chị T về chung sống cùng vợ chồng bà. Bà mong muốn anh chị về đoàn tụ, nuôi dạy con chung, còn chị T, anh H quyết định như thế nào là tùy ở anh chị. Anh chị có 03 con chung là: Nguyễn Phúc H1, sinh năm 2007; Nguyễn Phúc H2, sinh năm 2009 và Nguyễn Mạnh H3, sinh năm 2015. Cháu H1 đang học trên Hà nội, đã tự lập được và có cuộc sống sống riêng. Còn cháu H2 và cháu H3 đang đi học và hiện nay đang ở với anh H. Nếu anh chị ấy ly hôn mà phải chia con thì bà sẽ hỗ trợ chị T chăm sóc và giáo dục con.

Ông Nguyễn Văn M – Trưởng thôn Văn T2, xã N: Chị T, anh H là công dân sinh sống trên địa bàn thôn. Việc anh chị chung sống với nhau có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được vì không phải can thiệp gì. Trước đây, ông có nghe tin chị T thỉnh thoảng về nhà bố mẹ đẻ, sau đó lại về với anh H. Chị T, anh H có 03 con chung là: Nguyễn Phúc H1, sinh năm 2007; Nguyễn Phúc H2, sinh năm 2009 và Nguyễn Mạnh H3, sinh năm 2015. Trường hợp chị T, anh H không ở được với nhau mà phải ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Nghị quyết số 326 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị HĐXX: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Văn H

Về con chung: Cháu Nguyễn Phúc H1, sinh ngày 04/06/2007 đã thành niên và tự lập được cuộc sống riêng nên không giải quyết; Giao cháu Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 06/10/2009 cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H2 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi; Giao cháu Nguyễn Mạnh H3, sinh ngày 12/03/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H3 đến khi cháu H3 đủ

18 tuổi. Chị T, anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị T, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, công sức, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Trương Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Văn H. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H có nơi cư trú tại N, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nhưng chị T có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt; anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: Chị T và anh H xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã N, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 14/7/2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01/2006; đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, chị T, anh H và người làm chứng đều xác định vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, trong việc làm ăn kinh tế và việc nuôi dạy con chung, mâu thuẫn từ năm 2018 và có vài lần chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn. Tháng 03/2026, vợ chồng mâu thuẫn đỉnh điểm là khi anh H đem quần áo chị T sang nhà bố mẹ đẻ chị T và đuổi chị T. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2026 đến nay, cắt liên lạc, kinh tế độc lập, không ai

quan tâm đến ai nữa. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án anh H không đồng ý ly hôn vì anh mong muốn chị T quay về để chung tay xây dựng kinh tế và các con đoàn kết, có cha có mẹ nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn và anh H để mặc nhiên cho chị T quyết định và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong khi vợ chồng đã có thời gian dài mâu thuẫn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng của chị T, anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn là phù hợp với pháp luật và thực tế cuộc sống vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Chị T, anh H có 03 con chung là cháu Nguyễn Phúc H1, sinh ngày 04/06/2007; Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 06/10/2009; Nguyễn Mạnh H3, sinh ngày 12/03/2015. Cháu H1 đã trưởng thành, tự lập và có cuộc sống riêng nên chị T, anh H không có yêu cầu, đề nghị gì. Cháu H2 và cháu H3 đều đang ở với anh H. Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu H3, còn anh H có ý kiến để cho các cháu tự quyết định. HĐXX xét thấy: Cháu H3 có nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ, còn cháu H2 có nguyện vọng muốn sống cùng với bố, chị T, anh H đều có công việc làm ổn định, các cháu đã tự chăm sóc được bản thân và có chứng kiến của mình. Do vậy để bảo đảm điều kiện về vật chất, như tinh thần của các cháu và cũng là nguyện vọng của chị T, anh H nên giao cháu H2 cho anh H, cháu H3 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Quan điểm của chị T, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp thực tế nên được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ*: Chị T, anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238, 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/05/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 06/10/2009. Giao cho chị Trương Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Mạnh H3, sinh ngày 12/03/2015 đến khi các cháu đến tuổi thành niên.

Công nhận sự tự nguyện của chị T, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị T, anh H hoặc tổ chức cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản, công sức, nợ nần: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002312 ngày 06 tháng 05 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị T, Anh H5 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 1 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Nguyễn Trãi;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Ái